

TỊNH-MẶC

ĐƯỜNG VÀO ÁNH SÁNG  
ĐẠO PHẬT

*Chứng minh*

Thượng-tọa THÍCH-THIỆN-HÒA

Giám-Đốc

PHẬT-HỌC-ĐƯỜNG NAM - VIỆT

## MÃY LỜI TRẦN-THUYẾT

« Gần Đạo thời danh được tỏ  
« rạng như lên núi tuyết,  
« Xa Đạo thời tối tăm như  
« bắn cung ban đêm ».

Kinh Pháp-Cú Thị-Dụ

Viết những bài sau này, tôi chỉ nhằm một đích rất nhỏ là giúp những người thân của tôi hiểu sơ qua về Đạo Phật, để rồi sẽ tự mình học hỏi thêm. Học hỏi với thầy với bạn, học hỏi trong Kinh, trong sách.

Vì theo Đạo Phật chẳng phải là thỉnh thoảng đi lễ chùa, hoặc hàng ngày ở nhà thấp h้อง trước bàn thờ Phật là đủ.

Đức Phật Thích-Ca dạy : « Tin ta mà không hiểu ta, ấy là bài-báng ta ».

Những người thân yêu của tôi đều có lòng tin Phật, nhưng một số, vì chưa có một ý-niệm thô-sơ về Đạo Phật cao-cả, nên khi nghe thuyết-pháp hoặc lúc đọc Kinh thường khó hiểu. Hết khó hiểu thì hay chán, chán nên không siêng-năng tu-tập. Rồi cuộc không bao giờ thâm-hiểu Đạo, thi hành đúng Đạo và đạt được kết-quả tốt đẹp mẫu-nhiệm của Đạo.

Tập bài giàn-dị này dắt-dẫn những người thân yêu của tôi đến đầu con đường đầy ánh sáng của Đạo Phật. Khi đọc xong chỉ còn một việc phải làm là mạnh-dạn bước chân vào: dưới sự hướng-dẫn đại từ-bí của chư Phật, Bồ-Tát và chư Tăng, biết bao nhiêu người đang đi và đang chờ chúng ta cùng đi, cùng tiến đến cảnh yên-vui, trong-sạch, sung-sướng hoàn-toàn là NIẾT-BÀN.

Nam-Mô Bồn-Sư  
THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Phật-tử  
Tịnh-Mật *DẠNG-TRINH-KÝ*  
Xuân Mậu-Tuất (1958)  
Phật-lịch 2501

## CHƯƠNG NHẤT

« Tựa như nước của bể cả, chỉ  
thẩm nhuần một hương-vị: hương-vị  
của muối, Đạo-lý của ta cũng chỉ thẩm  
nhuần một hương-vị : hương-vị của  
sự GIẢI - THOÁT ».

LỜI PHẬT DẠY

## ĐẠO PHẬT LÀ GI

Một nghĩa của chữ «*Đạo*» là *đường đi*.

Đạo Phật là con đường đi đến cảnh Phật, tức là con đường tinh-thần dắt-dẫn chúng sanh đến chỗ yên-vui, trong sạch, sáng-suốt và thường-còn của Phật.

Cảnh này còn gọi là *Niết-Bàn*.

Cảnh Niết-Bàn là cảnh đầy-dủ hạnh-phúc chán-thật, hoàn-toàn, vĩnh-viễn. Đến đây, con người không còn lo buồn, đau-khổ, bệnh-tật, già-yếu và chết nữa. Khi ấy con người đã thoát khỏi đời sống tầm-thường, vật-vã, tối-tăm và chật-hẹp của thế-gian.

Bởi vậy người ta nói Đạo Phật là *Đạo Giải-thoát*.

Và cũng là *Đạo Giác-ngộ*.

Giác-ngộ nghĩa là hiểu biết đến cùng-cực, ráo-rốt.

Đạo Phật dạy con người hiểu biết đến cùng-cực nguyên-nhân tạo ra sống, chết, nguyên-nhân tạo ra đau-khổ.

Khi nào giác-ngộ được những nguyên-nhân ấy, con người sẽ tự mình tránh được nó, không tạo ra nó nữa, và không còn sống trong vòng mê-tối, chật-hẹp của thế-gian, mà sống sung-sướng trong cảnh Niết-Bàn của Phật.

## Đạo Phật dạy những gì?

Giác-lý của đức Phật mâu-binh-mông bát-ngát như bể cả. Nhưng ta có thể tạm phân-tách ra hai phần như thế này để dễ giảng :

Một là phần *Đạo-lý*, nghĩa là những điều mà đức Phật dạy về những sự thật trong vũ-trụ, tức là những *định-luật* chi-phối vạn-vật, mà vì ngu-dốt, chúng-sanh không tự mình nhận ngay ra được minh-bạch, rõ ràng.

Hai là phần *Pháp-lý*, nghĩa là những *phương-pháp* tu-tập mà đức Phật dạy để chúng-sanh thấu-hiểu Đạo-lý nói trên, rồi sẽ tự mình giác-ngộ và giải-thoát.

Những phương-pháp tu-tập sẽ được đề-cập đến trong chương sau.

Trong chương này chúng ta học sơ-quá về Đạo-lý của Phật-giáo.

Đức Phật giảng dạy rất nhiều *Lẽ-Thật* (*Chân-lý*). Mỗi Lẽ-thật là một định-luật chi-phối tất cả mọi vật lớn, bé, hữu-hitch và vô-hình trong vũ-trụ.

Đã là Lẽ-thật thì ai ai cũng có thể nhận thấy được, chứ không riêng gì đức Phật. Các khoa-học ngày nay, mỗi ngày một tiến, đều là đi tìm Lẽ-thật và cũng đã phát-trình được nhiều lẽ-thật. Nhưng những lẽ-thật lẽ-tẻ này mới chỉ là những giai-doan đầu tiên, chưa phải là Lẽ-thật ráo-rốt, cùng-cực (*vérité ultime*, *vérité absolue*, *la Vérité*), vì trí óc con người, dù có thêm dụng-cụ tinh-xảo giúp đỡ vào, cũng vẫn còn rất tầm-thường, chưa nhìn được hết, chưa nghe được hết, chưa nhớ được hết, chưa suy-nghĩ được hết...

Dù  
cuộc c  
tận, có  
Lẽ-thật

Nhi  
thế-gian

Nh  
tức là  
diễn-tả  
phương  
chúng

Mu  
vô-biên  
chúng

Tro  
chúng  
bạn d  
Đạo Ph

Nhâ

Đức Phật đã tu-tập để làm cho trí-tuệ nhỏ hẹp, hạn-cuộc của con người trở thành trí-tuệ sáng-suốt vô-biên, vô-tận, có thể trực-giác thấy (*saisir intuitivement, directement*) Lẽ-thật cùng-cực, Lẽ-thật tuyệt-dối.

Những Lẽ-thật ấy, đức Phật đem giảng-dạy cho người thế-gian hiểu.

Nhưng ta cũng nên biết rằng cái gì đã tuyệt-dối thì tức là ở trên sự do-lường, so-sánh, nghĩa là ở ngoài sức diễn-tả của lời nói, của chữ-nghĩa, là những dụng-cụ, những phương-tiện nhỏ-hẹp. Chữ-nghĩa và lời nói chỉ có thể cho chúng ta biết một phần rất nhỏ của Lẽ-thật mà thôi.

Muốn thấu-suốt hết Lẽ-thật phải dùng trí-tuệ sáng-suốt vô-biên của Phật (*tri-tuệ bát-nhã*) mà đức Phật dạy cho chúng ta phương-pháp tập-luyện để đạt được.

Trong những Chân-lý rất nhiều mà đức Phật đã giảng dạy, chúng ta có thể trích-giảng ba chân-lý sau đây, để giúp bạn đọc có một ý-niệm đại-cương thô-sơ về triết-lý của Đạo Phật:

- 1— *Lý Nhân-quả.*
- 2— *Lý Vô-thường Vô-ngã.*
- 3— *Lý Chân-Không.*

## I.— LÝ NHÂN-QUẢ

Nhân nghĩa là *hạt*, tức là hạt giống sinh ra một vật hữu

hình (*matériel*), hay là sức mạnh sinh ra một vật vô-hình (*immatériel*).

Quả là trái (*fruit*), tức là kết-quả hữu-hình hoặc vô-hình của một hạt đã gieo-trồng.

Lý Nhân-quả là lẽ-thật mà ai ai cũng biết :

Khi gieo trồng một hạt-nhân thì sẽ thu lượm được trái-quả.

Định-luật hiển-nhiên này, mọi người đều nhận thấy và đều đem áp-dụng trong đời sống, trong công việc làm ăn hằng ngày.

Nhưng đức Phật dạy chúng ta chú ý và suy-nghĩ đến những góc-cạnh, những điểm sâu-xa sau đây :

1) Nhân nào sanh ra quả ấy — trong giới hữu-hình, vật-chất (*physique*) hay trong giới vô-hình, tinh-thần (*moral, mental*) đều như vậy cả, không sai, không khác.

Gieo hạt dưa tất sau này sẽ hái được quả dưa, chứ không hái được quả soài.

Gieo hạt cam tất-nhiên sau này sẽ hái được những trái cam, chứ không thể hái được những trái mít.

Gieo việc làm tốt, sau này sẽ thu được kết-quả tốt, Như siêng-năng học, sẽ giỏi-giang và thi đậu. Siêng-năng làm công việc buôn bán, canh-nông, kỹ-nghệ... sẽ thu được hoa-lợi và tiền bạc.

Gieo việc làm xấu sẽ thu được kết-quả xấu. Lười biếng sẽ đốt-nát, nghèo-hèn; ăn trộm sẽ phải tù-tội.

Quả và nhân bao giờ cũng cùng một giống, cùng một loại.

2) Trong nhân đã có quả săn, chỉ chờ cơ-hội thuận-tiện là quả phát sinh và lớn lên. Trong quả cũng có nhân nằm săn, chỉ chờ dịp tốt là nhân này mọc lên để sinh ra quả.

Vòng nhân-quả, quả-nhân cứ liên-tiếp, quay tròn như thế mãi, nếu ta không diệt hết được quả và phá trừ được nhân dễ cắt đứt vòng tròn ấy.

3) Nhân không thể tự một mình sinh ra quả, nếu không có sự giúp đỡ của nhiều nhân khác trợ sức thêm vào. Những nhân giúp đỡ, trợ lực này gọi là *Duyên*.

Thí-dụ như một hạt dưa (*nhân*), cần phải có sự giúp đỡ của đất, hơi ấm, ánh sáng mặt trời, phân bón (*duyên*) mới có thể mọc thành cây và sinh ra quả được.

Vậy *Duyên* tức là những sức mạnh, những cơ-hội thuận-tiện giúp cho nhân sinh-sôi, nẩy-nở.

Nhân nào cũng có đủ cả hai tính-cách *nhân* và *duyên*, vì nó là nhân để sinh ra quả của nó và đồng thời cũng là duyên để giúp đỡ các nhân khác sinh ra những giống quả khác.

Thí-dụ như ánh sáng mặt trời là nhân sinh ra hơi nóng, nhưng đồng thời cũng là duyên để giúp cho hạt cây mọc, cho hoa lá có màu sắc, cho mắt trông thấy cảnh, vật v.v..

Trong vũ-trụ, mọi sự mọi vật đều chằng-chịt, dính-liu với nhau vì luật nhân-duyên này. Không một vật nào, một sự gì sinh ra và tăng-trưởng mà không cần đến giúp đỡ của nhiều vật, nhiều sự khác.

4) Nhân hữu-hình có thể sinh ra quả vô-hình và nhân vô-hình có thể sinh ra quả hữu-hình,

Giới hữu-hình và giới vô-hình không có gì ngăn ngại cả. Hai giới liên-can mật-thiết với nhau, tiếp tục, qua lại nhau và cũng chịu những luật chi-phối như nhau.

Thí-dụ : nước hữu-hình, khi duyên với sức nóng, biến thành hơi ấm vô-hình tản-mác trong không-khí. Khi gặp sức lạnh, hơi ấm vô-hình lại biến thành mây hữu-hình.

Xác-thân hữu-hình và tâm-linh vô-hình của con người cũng liên-can và tiếp-tục nhau như thế.

Thí-dụ : ý nghĩ oán-giận (*nhân vô-hình*) tạo ra ý-nghĩ trả thù (*quả vô-hình*). Quả vô-hình này làm nhân sinh ra hành-dộng đánh người hoặc đập phá đỗ-đạc, giết hại súc-vật (*quả hữu-hình*). Quả hữu-hình này sẽ làm nhân cho những hình phạt : tù-tội, xiềng-xích (*quả hữu-hình*). Tù-tội xiềng-xích hữu-hình ại làm nhân cho những quả vô-hình là buồn phiền đau khổ. Và buồn phiền đau khổ vô-hình lại sinh ra những quả hữu-hình là thán gầy-còm, ốm-yếu hoặc chết.

Như thế, nhân-quả, quả-nhân trong hai giới hữu-hình và vô-hình, trong hai phần xác-thịt và tâm-linh đều duyên với nhau và sinh lẫn nhau, chẳng khác gì chỉ có một giới, một khối duy nhất mà thôi.

5) Có nhân sinh quả ngay trong đời này (*hiện báo*), có nhân sinh quả trong đời sau (*sinh báo*), và cũng có nhân sinh quả cách sau nhiều đời (*hậu báo*).

Tùy từng loại và cũng tùy theo những duyên, hoặc cản trở, hoặc giúp đỡ thêm vào, mà những hạt giống đem gieo trồng sẽ mọc cây và sinh ra quả mau hay chậm. Điều này ai ai cũng nhận thấy cả.

Nhưng đức Phật dạy cho ta hiểu biết thêm rằng những quả chẳng phải hận-euộc, bỏ buộc sinh ra trong đời hiện-tại mà

thời (hiện báo). Có những quả sanh ra trong đời sau (sanh báo) và có những quả cách nhiều đời sau mới phát-sanh.

Điều này không có gì là lạ, nếu chúng ta mở tri óc thật rộng mà suy-nghĩ, như đức Phật đã dạy ta.

Đối với óc thiền-cận, hép-hồi của thể-gian thì có năm, tháng, ngày, giờ, đời này, kiếp nọ. Nhưng tất cả những thứ phân chia ấy chỉ là những mốc (bornes) mà con người đặt ra, tưởng-tượng ra, để chia chẻ và ghi dấu một cái gì dài vô tận, không đầu không đuôi, không hình không tướng, là Thời-gian mà thôi.

Một năm của con muỗi chẳng phải là một năm của con bướm, một năm đối với con bướm chẳng phải là một năm đối với con người, và một năm của con người chẳng phải là một năm của con voi, v.v..

Thời-gian là con đường băng phẳng, không tự nó chia ra từng đoạn là đời, kiếp, năm, tháng của mỗi loài, mỗi vật.

Bởi vậy, một nhân gieo trồng, tức là một sức mạnh tạo-tác, khi nào đủ duyên, đủ cơ-hội thuận-tiện, thì sinh quả, quả đủ duyên thì chín, chờ nhân, quả không hề biết đến những mốc của con người, hoặc của những vật khác.

Nói một cách khác, đối với nhân và quả, không có năm, tháng, ngày, giờ, đời và kiếp, mà chỉ có một dòng thời-gian duy-nhất, bình-đẳng cho tất cả muôn loài, muôn vật, không có chia-chẻ ra từng đoạn dài, ngắn.

Vì thế mà những cái chết liên-tiếp của con người (hay của vạn vật) không ảnh-hưởng gì đến những nhân đã gieo trồng. Những nhân này vẫn cứ deo-đuỗi cái súc sống của nó trên đường Thời-gian vô tận, để khi nào đến lúc, gấp thời, sẽ sinh ra quả.

Một thí-dụ cụ-thể sẽ giúp chúng ta dễ hiểu :

Các bão Âu, Mỹ đã cho biết người ta mới đào thấy ở một nước bên Âu-Châu những hạt lúa mì đã gặt từ hơn 1.000 năm nay, và ở Trung-Hoa những hạt sen đã hái từ hơn 2.000 năm. Những hạt ấy đều bị ngâm kín trong một chất dầu hoặc mật ong. Đem gieo những hạt lúa xuống đất, và những hạt sen xuống nước, các hạt ấy đều nẩy mầm, mọc cây, rồi ít lâu sau, lúa sinh hạt và sen nẩy hoa.

Việc trên đây cho chúng ta hiểu biết ba điều :

- a) Dầu và mật ong là những duyên đã kìm hãm (chờ chưa diệt trừ) sức mạnh sinh-hoạt của nhau là hạt lúa và hạt sen.
- b) Lúa và hạt sen nói trên, khi gặp đủ những cơ-hội thuận tiện (đất, nước, ánh sáng...), nghĩa là gặp những trợ duyên giúp sức, thì sinh hoa và kết quả.

c) Đời sống của những hạt lúa và hạt sen (nhân) nói trên, không liên-can đến năm, tháng, ngày, giờ, kiếp này, kiếp nọ của con người và vạn vật đã trôi qua. Trong thời gian vô-tận, nó chỉ chờ trợ duyên để nẩy nở mà thôi (nếu không gặp những duyên khác làm tiêu diệt, phá hoại sức sống của nó).

6 — Sự sinh-hoạt của những nhân có thể cải-biến, thay đổi bằng những nhân khác.

Khi đã gieo rồi, một nhân sẽ sống theo dòng sống của nó. Nhưng con người có thể gieo nhiều thứ nhân. Nhân này duyên với nhân kia, như chúng ta đã biết, để cản trở hoặc giúp đỡ sự tăng-trưởng và sinh hoa kết quả.

Một hạt mít, nếu bị đem phơi khô ngoài nắng hoặc cất kỹ trong hộp thật kín, sẽ không bao giờ mọc cây, nở hoa và ra trái được.

nhân  
trừ  
nhân  
phá  
7)  
N  
mãi  
tất cả  
nhân  
và qu  
dòng s  
quả  
(  
Sự  
khác  
nghỉ, I  
hồi =  
Th  
khả n  
làm xâ  
khi ch  
Sá  
1  
Tu-La  
(súc-sa

Võ  
một tr  
(1)  
gia-Thú

Bởi vậy, người ta có thể cải-hiến nhân này bằng những nhân khác. Người ta có thể làm tăng-trưởng, kim hâm hoặc trừ diệt hẳn đời sống của một nhân, bằng cách tạo những nhân khác, tức là tạo những duyên khác để giúp đỡ hoặc phá trừ.

7) Vì có dòng sống liên tiếp của nhân-quả nên có luân-hồi.

Những nhân và quả cứ theo đuôi nhau mà sống, chết mãi trên con đường vô tận là Thời-gian, nên con người (và tất cả những vật nào có sức tạo ra nhân) cũng theo những nhân và quả ấy mà chết đi sống lại mãi. Dòng sống của nhân và quả kết hợp với nhau thành một dòng sống duy nhất là dòng sống của con người (hoặc của các vật) đã tạo ra nhân, quả (1).

Sự chết đi sống lại nối tiếp nhau từ kiếp này đến kiếp khác như một cái vòng bánh xe xoay tròn không bao giờ nghỉ. Bởi thế nên gọi là Luân-Hồi (Luân = bánh xe, xoay tròn; hồi = trở lại).

Theo đức Phật dạy, con người (và tất cả những vật có khả năng tạo ra nhân, duyên), tùy những hành-động đã làm xấu hay tốt, lành hay dữ (ác-nghiệp, thiện-nghiệp), mà khi chết đi sẽ luân-hồi trong sáu cõi khác nhau.

Sáu cõi hoặc sáu đường (lục đạo) ấy là :

1 — cõi Trời (Thiên). 2 — cõi Người (Nhân). 3 — cõi A-Tu-La (một loại thần nóng nảy, dữ tợn). 4 — cõi Súc-vật (súc-sanh). 5 — cõi Quỷ đói (Ngạ quỷ) và 6 — cõi Địa-Ngục.

## II.— LÝ VÔ-THƯỜNG VÔ-NGĀ

Vô Thường nghĩa là không giữ lâu bền một hình dạng, một trạng-thái nào, hay biến đổi luôn luôn (*impermanent*).

(1) Trong Phật-học gọi dòng sống ấy là Tạng-Thức hoặc A-lai-gia-Thức.

Vô-Ngã nghĩa là không có cái « ta » riêng-biệt (*le moi, le soi*), không có một tự-thể, một chất cố-định (*entité, substance spécifique*) của mỗi vật để tạo ra cái « ta » riêng của vật ấy.

Chân-lý Vô-Thường Vô-ngã, cũng như lý Nhân-quả, là một Lẽ-thật hiển-nhiên trong vũ-trụ mà đức Phật không phát-minh ra. Nhưng đức Phật là Ông Thầy sáng suốt đã đem lý ấy giảng dạy sâu sắc, để chúng-sanh hiểu rõ bộ mặt của tất cả mọi sự, mọi vật.

**Vạn-vật đều  
vô - thường**

Các khoa-học, và ngay cả mắt phàm-phu chúng ta, đều nhận thấy những thay đổi của vạn vật.

Bất cứ vật nào cũng trải qua bốn thời-kỳ : sinh ra, lớn lên, già và chết (hoặc tan rã). Từ những vật nhỏ li-ti như con vi-trùng đến những vật rất lớn như trái núi, trái đất, mặt trăng, mặt trời, ngôi sao, tất cả đều phải chịu định-luật Vô-thường.

Đã có sinh thì phải có diệt, có hình-tướng thì phải có hủy-hoại. Tất cả mọi vật không tránh khỏi bốn thời-kỳ biến-dỗi nói trên, mà trong Phật-Giáo gọi là « *Sinh, Trụ, Di, Diệt* » hoặc « *Thành, Trụ, Hoại, Không* ».

Chúng ta thường nhận xét và tưởng-tượng bốn thời kỲ ấy dài, tương-dối bền lâu tùy theo mỗi vật.

Thí-dụ như chúng ta vẫn nghĩ một bông hoa thường sống một vài ngày, một con vật nhỏ từ một vài tháng đến một vài chục năm, một cây cổ-thụ vài trăm hoặc vài nghìn năm, một quả núi vài triệu năm, một ngôi sao vài muôn nghìn triệu năm chẳng hạn. (Thời-kỲ biến đổi tương-dối lâu dài ấy, trong Phật-học gọi là « *Nhất kỲ vô thường* »).

Nhưng đức Phật, với mắt tri-tuệ, trông thấy vạn-vật đều biến đổi liền liền.

Ngài thấy bốn thời-kỷ Sinh, Trụ, Di, Diệt, dài lâu không đầy một nháy mắt. Trong Phật-học gọi sự biến đổi nhanh chóng ấy là «Niệm-niệm vô-thường» hay «Sát-na vô-thường».

(Niệm = thời-gian rất ngắn, tỷ như một ý nhớ vừa thoáng qua trong trí đã biến đi ngay. Sát-na = một phần chín mươi của một niệm).

Tất cả vạn-vật đều chết đi, sống lại (luân-hồi), sống sống, chết chết liền liền, nối tiếp nhau nhanh như một dòng nước chảy. Nước ta trông thấy chảy hiện tại ở ngay trước mắt chẳng phải là nước ta trông thấy chảy một nháy mắt trước, và nước chảy trong nháy mắt sau đã không phải là nước hiện-tại nữa rồi.

Ngày nay, khoa sinh-lý học (*Biologie*) — tuy chưa có thể hiểu biết đến chỗ ráo-rốt — cũng cho chúng ta biết rằng trong hàn-thể mỗi người, mỗi dây đồng-hồ, có hàng nghìn triệu tế-bào chết đi và hàng nghìn triệu tế-bào khác sinh ra để thay-thế.

Như vậy, thân ta và thân mọi vật luôn luôn đổi mới. Chúng ta không phải chỉ có một thân, mà là vô-số lượng thân nối tiếp nhau không xen-hỗ, thân trước làm nhân cho thân sau và thân sau là quả của thân trước. (Phật-Giáo cho biết trong thời-gian một ngày 24 giờ, thân ta thay đổi, chết đi sống lại tới 6.400.099.980 lần).

Sở-dĩ chúng ta chỉ trông thấy một thân cho mỗi người, mỗi vật, là vì sự thay đổi quá nhanh cho sức phân-biệt của con mắt phàm-phu.

Cũng như chúng ta xem chiếu bóng. Mỗi người, mỗi cảnh

trên màn bạc là do hàng triệu hình ảnh trong cuốn phim chiếu ra. Tuy vậy chúng ta không thấy sự thay đổi ấy, mà chỉ nhìn thấy có một hình ảnh, một cảnh vật liên tiếp hoạt động mà thôi.

Chúng ta sống trong vũ-trụ cũng y như thế. Cảnh vật chung quanh ta, và ngay cả ta nữa, là một cuốn phim vĩ-dai, do vô số lượng hình ảnh nối tiếp nhau diễn ra nhanh chóng mà chúng ta không nhận ra.

Vạn-vật	Vạn vật đã biến-dổi nhanh-chóng, lại không
Vô - ngã	có một tự-thể, một cái «TA» chắc thật riêng cho mỗi vật nữa.

Thí dụ, hãy thử xét cái «TA» của con người là gì? Là xác-thân hay là tâm-linh (*linh hồn*)? Hoặc là cả hai thứ hợp lại?

Lấy xác-thân (mà trong Phật-học gọi là «SẮC») làm «TA», thì xác-thân là gì?

Phật dạy: xác-thân chỉ là sự tạm hợp của bốn chất (tứ đại):

1) chất cứng (*Địa*) như thịt, xương, 2) chất lỏng (*Thủy*), như máu, nước mắt, nước miếng... 3) chất nóng (*Hỏa*) tức là hơi ấm, 4) chất hơi (*Phong*) là hơi thở...

Ta hãy suy nghĩ:

Khi trời đang ở bên ngoài thì gọi là cảnh-vật, thoát không đầy một nháy mắt, hit vào trong lỗ mũi hoặc thấm qua làn da mỏng, đã gọi là của ta. Những thân-khí và các thứ hơi đang ở trong phổi hoặc trong thịt, nói rằng là của ta. Nhưng

mới thoát thở ra khỏi mũi hay mới thoát qua làn da đã là cảnh ngoài. Và nếu cây, cỏ hút lấy thán-kì ấy thì gọi là của cây cỏ rồi.

Những chất lỏng, nóng và cứng trong người cũng đều như vậy cả: thoát gọi là của ta, thoát gọi là của cảnh, hay của vật. Vậy thật sự nó là của ai? Tại sao lại nhất định nhận nó là của ta, và gọi nó là cái « TA »?

Vả chăng, nếu bốn chất ấy rời nhau ra, mỗi thứ trở về mỗi loại của nó trong vũ-trụ, thì còn chất gì ở lại để gọi là TA nữa?

Nếu lấy *tâm-linh* làm « TA » thì *tâm-linh* là gì? Là những tinh-cảm vui, buồn, giận, hờn... những ý nghĩ, tưởng-tượng, ghi nhớ, những hành-dộng, cử-chỉ, phán-biệt, hiểu biết v.v.. (Phật-giáo phân tách những thứ ấy ra làm bốn loại gọi là: *Thọ, Tưởng, Hành, Thímc* (1))

Trong bấy nhiêu món, lấy vui buồn, hay lấy giận hờn, lấy ý nghĩ, hiểu biết, hay lấy hành-dộng làm TA? Mỗi thứ này lại thay đổi từng lúc, vậy lấy trạng thái lúc nào làm « TA »?

Hoặc giả phải tổng-hợp, nghĩa là cộng bấy nhiêu thứ lại? Nhưng có hợp thì có tan; khi tan, còn có thứ gì ở lại để làm « TA » nữa?

Trong *xác-thân* và *tâm-linh* đều không có « TA », vậy dẫu đem hợp cả hai thứ, tức là: *Sắc* hợp với *Thọ, Tưởng, Hành, Thímc* (trong Phật-học gọi là *thân ngũ uần hay ngũ ấm*) (2) thì thân ấy, khi phân tách ra, vẫn không có chất TA, nào riêng biệt cả.

Như thế, cái « TA » riêng biệt cho mỗi vật là gì?

---

(1) Tiếng Pháp dịch là: 1— sensation; 2— perception; 3— tendance, activité mentale; 4— conscience.

(2) Thân ngũ uần hay ngũ ấm: *ngũ* = năm; *uần* = chứa nhóm; *ām* = che lấp.

Thân này *chứa nhóm* tật, bệnh, già, chết, si-mê, phiền-não; nó *che lấp* Chân-lý, làm cho con người không nhận rõ được Tâm-thật, Tánh-thật của mình.

Đức Phật dạy rằng các vật không có chất gì riêng biệt của nó, để làm thành một cái TA riêng cho nó. Nó chỉ là những hợp-tướng tạm-thời của nhiều phần-tử duyên-lai với nhau. Lúc nào duyên hết thì hợp-tướng phải tan. Đó là định-luật Vô-thường và Lẽ-thật Vô-ngã của tất cả mọi vật trong vũ-trụ.

Bởi vậy, theo sự nhận xét sáng-suốt của đức Phật thì những hiện-tượng (phénomènes, manifestations) — trong đó có con người — bầy ra và hoạt-động trong vũ-trụ đều là tạm-thời và đều là giả (vọng).

Hiểu rõ như thế, con người sẽ không vì những cái giả và tạm-thời như xác-thân, tiền-tài, cảnh-vật, danh-vọng v.v... mà say-mê, luyến tiếc, ghen-ghét và tham-lạm, rồi tạo ra các tội lỗi, ác-nghiệp, là những nguyên-nhận sinh ra đau khổ, quả-báo và luân-hồi.

Nhưng chúng ta nên hiểu rõ nghĩa chữ giả để khỏi bị sai-lạc trong việc học giáo-lý của đức Phật.

Giả không phải là « không có ».

Giả có ý nghĩa là : có, nhưng có một cách không thật, không đúng và không vững bền mãi mãi.

Thí dụ như khi nói « vàng giả ». Không phải là không có, chất gì cả. Vẫn có một thứ gì đấy, màu vàng và bóng nhưng không thật là vàng, không đúng là vàng, ít lâu nó sẽ mờ-ám, nên gọi là « vàng giả ».

Những hiện-tượng, những cảnh-vật ở thế-gian mà mắt phàm-phụ chúng ta trông thấy đều không đúng với hình-tương của hiện-tượng thật, cảnh-vật thật mà mắt sáng suốt của chư Phật trông thấy.

Bởi thế đức Phật mới nói rằng đời thế-gian mà phàm-phu sống, vũ-trụ mà mắt thịt chúng ta trông thấy đều là giả (vọng).

Cũng như chúng ta nằm chiêm-bao. Trong giấc mộng chúng ta trông thấy nhiều người, nhiều cảnh-vật. Những hình ảnh ấy tuy hiện ra nhưng không có thật, vì lúc ta tỉnh giấc thì nó biến mất, không còn gì nữa.

Một thí-dụ cụ-thể khác làm cho chúng ta dễ hiểu hơn :

Trong căn nhà tối, một người trông thấy một con rắn to nằm uốn khúc cuộn tròn. Người ấy hốt-hoảng, vội vàng kêu la cầu cứu. Nhưng đến khi thắp đèn lên thì con rắn to ghê sợ ấy chỉ là một cuộn dây thường. Té ra người ấy đã kinh hoảng, sợ-hãi, vì đã không nhìn thấy vật thật (cuộn dây), mà chỉ nhìn thấy vật giả và tưởng-tượng là con rắn.

Một phương-ngôn bên Ấn-Độ nói: « *Khi thấy chó thì không thấy đá ; khi thấy đá thì không thấy chó* ». Câu ấy cũng cùng một ý-nghĩa như trên. Trong lúc tối-tăm, mê-mờ, người ta trông thấy hình dáng một con chó ngồi trong sô cửa sắp nhảy ra cắn mình; lúc sáng sủa, nhận rõ ra là hòn đá thì con chó ghê gớm lúc trước tự nhiên biến mất không còn nữa (1).

Chúng sanh là người ngủ mê, chỉ trông thấy hình dáng giả của đời và của vũ-trụ.

Phật là người thức-tỉnh, nên Phật trông thấy hình dáng thật, bộ mặt thật của đời và vạn vật vũ-trụ.

Bộ mặt thật ấy tức là Lý Chân-Không Diệu-hữu mà chúng ta sẽ giảng sau đây.

---

(1) Chứ không phải như người ta thường hiểu lầm là: Khi thấy chó sắp cắn mình thì không có đá đẽ mà ném; đến khi có đá đẽ mà ném thì lại không có chó.

### III.— LÝ CHÂN-KHÔNG

Nói cho dù là : *Lý Chân-Không Diệu-Hữu.*

*Chân-Không* nghĩa là : *Thật Không.*

*Hữu* là có. *Diệu-Hữu* nghĩa là có một cách huyền-diệu, nhiệm-mầu, trí óc không thể tưởng tượng được.

Ở đoạn trên, chúng ta nói rằng, theo lời Phật dạy, những cảnh-vật, hiện-tượng mà phàm-phu chúng ta nhận thấy bằng trí-tuệ hép hời và mê tối của thế-gian đều là giả và tạm thời.

Nói như vậy tức là ngoài những cảnh-vật, những hiện-tượng giả và tạm thời ấy, tất phải có một cảnh-tượng thật và không tạm thời. Vì khi nào nói giả thì phải có một đối-tượng là *thật* để so sánh, khi nào nói *tạm thời* phải có một trạng-thái trái lại là *vĩnh-bền, vĩnh-viễn*.

Cảnh-tượng đúng, thật, và vĩnh-viễn, không bao giờ thay đổi từ ngàn xưa vô-thủy (*không có bắt đầu*) đến nay, và từ nay đến vô-cùng-tận, Phật-giáo gọi cảnh ấy là *Chân-Không* (*Thật-Không*).

Tại sao gọi là *Thật-Không* ?

*Không* ở đây chẳng có nghĩa là không có gì (*néant*), như những người không hiểu Đạo Phật tưởng lầm.

*Không* nghĩa là *Tuyệt-dối*, chỉ có một mà không có cái thứ hai để so sánh, và không thể dùng lời nói, chữ nghĩa, óc tưởng-tượng mà luận bàn được.

Như vậy, *Thật-Không* nghĩa là một « *Cái gì* » có thật và tuyệt-dối, một « *Cái gì* » chỉ có một ở trong vũ-trụ mà không có cái thứ hai để đối-dãi, do-lường.

« Cái gì » ấy vừa rộng lớn vô-biên, bao trùm tất cả mười phương thế-giới, vừa lâu bền vô-tận, dài khắp thời-gian vô-thủy vô-chung (không có hết), nên mắt người thường không thể so sánh với một vật gì được, không thể nhận xét bằng trí óc hép hời được. Vì thế tưởng rằng không có gì. Nhưng tưởng là không có gì mà thật ra vẫn có, có thật sự, chắc chắn và hiển-nhiên.

Một thi dụ sẽ làm cho dễ hiểu.

Nếu tất cả vũ-trụ đều hoàn toàn cùng một màu trắng, không có một màu sắc gì khác, thì ta không thể nào nhận ra được màu trắng nữa. Và cả cái tên « màu trắng » cũng không có, vì làm gì có màu khác để so sánh mà đặt tên. Tuy vậy, không phải vì ta không nhận ra được và không đặt được tên cho nó mà cái màu tạm gọi là trắng ấy không có. Nó có thật sự, chắc chắn và rõ ràng.

Tất cả vạn vật trong vũ-trụ mà ta trông thấy với trí óc thường chỉ là sự hiển-hiện tạm thời của một cái gì, không trông thấy mà thôi.

Cái ấy nó lan-tràn khắp mọi nơi, không chỗ nào không có nó, không một sự vật gì ở ngoài nó. Nó không có hình-tướng, nên nó không có tên. Bởi thế mà gọi nó là « Chân-Không », hoặc tùy theo trường-hợp, muốn đặt cho nó nhiều tên khác cũng được.

Vì do Chân-Không duy nhất ấy mà sinh ra, hiện ra tất cả vạn vật trong vũ-trụ, cho nên nó là Bản-Thể của mỗi vật, mỗi người chúng ta. Nó là cái « TA THẬT » (Chân-Ngã), là Tâm-Thật (Chân-Tâm) của mọi người, mọi vật, mọi loài.

Con kiến, con người, con cá, con chim, cây hoa, ngọn cỏ, sông, núi, mặt trăng, mặt trời... tất cả đều cùng một Bản-Thể ấy, cùng một Chân-Tâm ấy sinh ra. Trong con người nó không thêm,

mà trong con kiến bé nhỏ nó không bớt, vì Chân-Tâm của mỗi người, mỗi vật đều đồng như nhau, rộng lớn như nhau, bao-la trùm khắp vũ-trụ, không bị hạn-cuộc trong một xác-thân nhỏ-nhoi hay một hình-tướng to-tát nào.

Cũng vì Chân-Không, Bản-Thể, cái « *Ta-thật* » của mọi vật bao-la vô cùng tận, không hình không tướng như thế, nên mới gọi Cái « *không có tướng* » ấy là *Thật-Tướng* (*Chân-Tướng*) của muôn loài, muôn vật.

Bản-thể ấy có từ thời-gian vô-thủy, *không nhân nào sinh ra* Nó (tiếng Pháp dịch là : *non né*), *nên* Nó *không có quả* « *diệt* », nghĩa là không bao giờ hủy-hoại (*bất sanh bất diệt*). Vì không có nhân và quả nên luật Nhân-quả, Vô-thường, Vô-ngã, không còn áp-dụng cho Nó nữa. Nó lâu bền từ ngàn xưa đến vô cùng-tận, không lúc nào tăng-giảm hoặc biến-đổi, bao giờ cũng như-như, vì vậy nên còn gọi Nó là *Chân-Như* (*Thật Như*) hay *Như Lai* (vẫn như thế từ ngàn xưa đến nay), hoặc *Bản-lai-diện mục* (bộ mặt của vạn vật từ vô-thủy đến bây giờ).

Tánh của Bản-Thể, Chân-Không, là *yên-lặng* (tịnh), *trong* sạch (tịnh), *sáng-suốt*, *không mê-lầm* (giác), *linh-diệu* (linh), *dũng-mạnh* (hung), *tự-do*, *tự-tại* (ngã), *thương xót* (tù-bi), *hy-sanh* (xả), *chân-thật* (chân), *vui-dep* (mỹ), *tốt-lành* (thiện)... *Tất cả những đức-tánh* ấy đều *hoàn-toàn*, *trọn-vẹn*, *tròn đầy* (viên-mãn), *không* một mảy-may khiếm-khuyết, *tức* là *đều cao, rộng, sâu* đến *mức tuyệt-đối*, *đến mức* « *Không* » (1).

Chúng sanh, vạn vật, vì quên những đức-tánh rộng lớn tuyệt-đối nói trên của Bản-Thể, Chân-Tâm mình, nên mới sống một đời sống mê-lầm, xấu-xa, nhỏ hẹp và tù-hãm, nên mới quay cuồng mãi-mãi trong vòng Nhân-quả, Luân-hồi và đau-khổ.

---

(1) Vì thế mà không thể dùng giác-quan cùng trí-óc tăm thường để nhận xét và luận-bàn Chân-Không, Niết-Bàn được. Trên đây chỉ là tạm dùng lời nói để tả cái gì không thể tả, vẽ hình cái gì không có hình.

Đức Phật Thích-Ca và chư Phật đã tu-tập trong nhiều đời, nhiều kiếp, để làm cho những đức-tánh nói trên, nó vẫn ẩn-nấp trong mỗi người, mỗi vật, rực-rỡ hiền-hiện đầy đủ trong thân-tâm Phật.

*Chư Phật là hiền-thân của những đức-tánh ấy.* Nói một cách khác, chư Phật đã thê-nhập (*s'identifier*) tức là đã nhập một với Bản-thề của vũ-trụ. Vì vậy nên còn gọi Bản-Thề là Phật-Tánh (*Tánh Phật*). Phật-tánh tức là Thật-Tánh (*Tánh thật*) hoặc Tự-tánh (*tánh sẵn có tự nhiên*) của vạn vật vậy.

Khi nào con người làm cho hiền-hiện đầy đủ và hoàn-toàn trong thân-tâm mình những đức-tánh của chư Phật, khi ấy con người sẽ ngang hàng với Phật, tức là sẽ thành Phật như chư Phật, không sai, không khác.

Khi ấy con người sẽ thê-nhập với Bản-Thề, với Chân-Không. Con người sẽ sung sướng hoàn-toàn, vì không mê-lầm, đau khổ, không sinh-tử luân-hồi nữa. Ấy là cảnh yên-vui, vắng-lặng của Niết-Bàn, mà chữ phạn *Nirvana* có nghĩa là : không sinh không diệt.

Vậy cảnh Niết-Bàn tức là cảnh không sinh-diệt, thường còn của Chân-Không, cảnh đầy đủ hạnh-phúc chàm-thật của Bản-Thề muôn loài muôn vật.

Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni là ông Thầy chỉ đường cho chúng sanh tu-tập để đi tới Niết-Bàn, sống với Chân-Không, với cái TA-THẬT, nghĩa là để chúng sanh quay đầu trở lại sống với Phật-Tánh, Thật-Tánh của mình và để thành Phật.



## CHƯƠNG HAI

« Đổi với cõi đời bị chìm đắm  
trong tối tăm của vô-minh ta sẽ mang  
lại ánh sáng tươi đẹp của giáo lý  
tuyệt vời. Ta sẽ giải-thoát cho đời  
khỏi cái già, cái chết và hết thảy  
mọi nỗi đau-khổ ».

LỜI PHẬT DẠY

## CÁC PHƯƠNG-PHÁP TU-HÀNH

Thành Phật, nhập Niết-Bàn yên-vui, là kết quả cao nhất mà người tu theo Đạo Phật có thể đạt được.

Nhưng chúng sanh trong thế-gian nhiều vô lượng và tạo nghiệp ác, lành cũng không giống nhau, trí hiếu biết không đồng nhau, nên Đức Phật đã lập ra rất nhiều phương-pháp (*tám vạn bốn nghìn pháp-môn*) để tùy từng căn-cơ mỗi người, tùy từng trường-hợp mà áp-dụng.

Trong Phật-học, để giảng dạy cho dễ-dàng, người ta chia các pháp-môn ấy ra làm năm loại, gọi là *năm Thira* (*thira* = *cõi*) hay *năm Thăng* (*thăng* = *cỗ xe*). Mỗi thura có thể coi như một đoạn đường, đưa đến một kết quả. Người tu-tập đều súc, đủ trí, có thể đi một mạch đến đích cuối cùng. Người ít sức thì đi dần dần; hết một đoạn tức là thêm được sức để tiến lên một đoạn nữa.

Năm Thura là :

1.) *Nhân Thira*.

Kết quả của đoạn này là người tu-tập, khi chết đi, sẽ sanh trở lại cõi người, để hưởng hạnh-phúc tương-đối, do những nghiệp lành đã tạo ra trong kiếp vừa rồi và những kiếp trước,

## 2) Thiên-Thùra.

Kết quả của đoạn này là người tu-tập sẽ được sinh lên cõi Trời, sung-sướng hơn cõi Người.

Hai Thùra vừa nói gọi là *Thể-gian-Thùra*, vì kết quả chưa đưa con người ra khỏi luân-hồi của thể-gian. Trên cõi Trời, sinh-tử vẫn hãy còn; nếu không tu-tập thêm nhân lành thì rồi sẽ thoái sinh xuống cõi Người, theo định-luật Nhân-quả và Vô-Thường.

Hạnh-phúc trong hai cõi Người và Trời không vững-bền, vĩnh-viễn, còn chưa dựng và còn sinh ra phiền não, cho nên trong Phật học gọi là *Hạnh-phúc hữu-lậu* (*lậu* = *phiền-não*, *rò giọt*, *mất dần dần*), trái với Hạnh-phúc chán-thật, không bao giờ mất của cảnh Niết-Bàn, gọi là *Hạnh-phúc vô-lậu*.

## 3) Thanh-Văn-Thùra.

Kết quả cùng tốt của đoạn này là thành bậc A-la-Hán, không còn sinh-tử, thoát dứt luân-hồi, vì đã hiểu thấu được Lý Vô-Ngã.

## 4) Duyên-Giác-Thùra (hay Độc-giác-thùra).

Kết-quả là thành bậc Duyên-Giác (hay Bích-Chi Phật), cũng không luân-hồi nữa, vì đã hiểu suốt lẽ Nhân-Duyên tạo ra sinh-tử cho nên không còn chấp cái ta giả (chấp Ngã).

## 5) Bồ-Tát-Thùra.

Kết-quả là thành bậc Đại Bồ-Tát, rồi thành Phật.

Ba Thùra sau (Tam Thùra) thường gọi là *Xuất Thể-Gian Thùra* vì kết-quả đạt được là người tu-hành không còn sống đời sống phàm-phu tầm-thường nữa, mà sống một đời sống cao-siêu hơn thể-gian, ở ngoài vòng luân-hồi của thể-gian.

Tuy nhiên, ba Thùra này cũng chỉ là những phương-tiện tạm-thời, những giai đoạn của một Thùra duy nhất là Phật Thùra, mà kết-quả là dắt dẫn con người tu học lên đến địa-vị Phật.

Trong Thanh-văn-Thùra và Duyên-giác-Thùra (thường gọi gồm là Nhị Thùra), kết quả đạt được tuy cao-siêu, nhưng vẫn còn tương đối hẹp hòi. Người tu hành chưa thấu suốt được Lý Chân-Không, nên chưa hoàn toàn nhập một với Bản-Thề bao-la của vũ-trụ, không nhận thấy rằng mình, người và vật chỉ là Một.

Vì vậy, các bậc A-la-hán và Duyên-giác, sau khi giải-thoát, còn say đắm trong cảnh yên-lặng của Niết-bàn, mà không ra quảng-độ chúng-sanh. Nói một cách khác, các vị ấy tuy đã giải thoát khỏi sinh-tử luân-hồi, nhưng chưa hành đạo rộng-rãi để giác-ngộ và giải-thoát cho nhiều người, nhiều vật khác.

Bởi lẽ ấy, Thanh-Văn-Thùra và Duyên-giác-Thùra gọi là Tiêu-Thùra (tiêu = nhỏ). Hai cỗ xe này bé nhỏ, chỉ chở được ít người đến chỗ giải-thoát mà thôi, và cũng không đi xa được đến chỗ cùng-cực của Đạo-lý.

Còn Bồ-Tát-thùra gọi là Đại-thùra (đại = lớn). Cỗ xe này lớn, chở được vô-số-lượng chúng-sanh đến chỗ giải-thoát cùng-cực, vì Bồ-Tát và Phật không những cứu-độ cho mình mà còn cứu-độ cho hết thảy mọi loài, mọi vật trong vũ-trụ ra khỏi mê-lầm, đau-khổ.

Khi Đức Phật Thích-Ca tại-thế, trong những năm đầu tiên thuyết-pháp, Ngài giảng về những pháp-môn Tiêu-Thùra để hợp với trình-độ hãy còn thấp kém của các đệ-tử. Bởi vậy, Giáo-lý Tiêu-thùra được coi và được gọi là Phật-Giáo nguyên-thủy (thi), nghĩa là Phật-pháp đem giảng-dạy lúc ban đầu.

Về sau, đức Phật dần-dần nâng cao trình-độ giảng-dạy, đưa các Phật-tử đến chỗ cao-siêu tột bậc của Phật-pháp, tức là Đại-Thùra-Giáo,

Như trên đã nói, Tiêu-Thùa và Đại-Thùa chỉ là hai giai-đoạn của một Phật-thùa mà thôi; nhưng chữ «tiêu» làm cho nhiều người hiểu lầm, đem gán cho nó một ý-nghĩa chè-hai không đúng (tiêu đối với đại). Để tránh sự ngộ-nhận ấy, trong kỳ Hội-Nghị Phật-Giáo Thế-Giới họp tại Kathmandu (Népal) vào tháng 11 năm 1956, các vị lãnh-đạo Phật-Giáo thế-giới đã quyết định bỏ danh-từ «Tiêu-Thùa», và từ nay trở đi chỉ dùng danh-từ «Phật-Giáo nguyên-thủy» để cho đúng với ý-nghĩa và lịch-sử của Giáo-pháp.

## I.— NHÂN THÙA

Bước đầu tiên trên đường tu tập, muôn kiếp sau sanh trở lại làm người, hưởng những phúc-báo, kết-quả của các việc lành đã làm trong đời này, người tu học cần phải làm hai việc :

Một là *Quy-y* (*Tam-quy*); hai là *Trì Giới* (*ngũ giới*).

(Quy = trở về; Y = nương tựa;

Trì = giữ-gìn; Giới = răn, cấm).

*Tam quy-y* (nói tắt: *Tam-quy*) là ba sự trở về để nương tựa (chữ Pháp dịch là : chercher refuge ; chữ Phạn là namo). Ba sự trở về là :

1') Trở về nương tựa vào *Phật*;

2') Trở về nương tựa vào *Pháp*;

3') Trở về nương tựa vào *Tăng*.

Con người, trước khi được nghe Phật-pháp, sống trong cảnh mê-lầm, như người lạc đường trong đêm tối. Muốn ra

ngoài ánh sáng và đi cho đúng đường, cần phải đổi hướng, quay đầu theo sự chỉ dẫn của Đức Phật.

Ấy là *quy-y Phật* (nam-mô Phật).

Đã quay về với ánh sáng của Phật thì phải tuân theo lời giảng dạy của Phật, nghe Giáo-lý của Phật.

Ấy là *quy-y Pháp* (nam-mô Pháp).

Khi Đức Phật còn tại-thể thì nghe lời giảng của Đức Phật; khi Đức Phật đã tịch-diệt thì nghe lời giảng của chư Tăng (Sư). Tăng là những người đã xuất-gia tu-tập, hy-sinh đời riêng để làm sứ-mạng giữ-gìn Giáo-pháp và tuyên-dương, giảng-dạy Giáo-lý cho người khác.

Ấy là *quy-y Tăng* (nam-mô Tăng).

*Phật*, *Pháp*, *Tăng*, là ba thứ tôn-quý nhất của người Phật-tử, cho nên gọi là *Tam-Bảo* (bảo = quý)

Vậy công việc đầu tiên của người bước vào Đạo Phật là *quy-y Tam-Bảo*, nghĩa là đến chùa, xin làm lê được nhận vào hàng đệ-tử của Phật, và xin chư Tăng truyền giới cho.

Việc thứ nhì, sau khi làm lê quy-y, là *giữ giới*, nghĩa là tuân theo những lời răn-cấm của Đức Phật dạy, mà chư tăng đã truyền-giảng khi làm lê quy-y.

Năm điều răn-cấm là :

1) *Giới sát* (chữ nho : sát = giết). Không được giết hại người và sinh-vật, nghĩa là phải có lòng từ-bi, thương hết mọi loài.

2) *Giới đạo* (đạo = trộm, cắp). Không được lấy trộm, cắp tiền-tài, đồ-vật của người khác, tức là đừng tham-lam.

3) *Giới dâm* (dâm = thú vui của xác-thịt). Không được say-dâm, truy-lạc trong thú-vui xác-thịt, tức là sống điều-hòa và thanh-cao, không ham-mê về vật-chất. Người tại-gia không được tà-dâm, lang-chạ.

4) *Giới ngữ* (ngữ = lời nói). Không nói dối, hoặc nói những điều đeo-ác, tức là chỉ nói những lời ngay thật và dịu-dàng.

5) *Giới túa* (túu = rượu). Không uống rượu là chất nóng, làm cho người mất bình-tĩnh, mất sáng-suốt và không thể giữ được bốn giới nói trên.

Năm điều răn-cấm này chỉ là những việc ăn ở đúng lẽ phải, mà ai ai cũng phải cố-gắng thực-hiện mới thành được con người gọi là có nhân-cách.

## II.— THIỀN-THỬA

Tiến lên một bước nữa, muôn kiếp sau được sinh lên cõi Trời, yên-vui, sung-sướng hơn ở cõi Người, thì phải tu-lập pháp « Mười điều lành » (*Thập thiện-nghiệp*).

*Điều lành* (*thiện-nghiệp*), theo Phật-giáo, là tất cả những việc làm đúng với lẽ phải, hợp với Chân-lý, tức là những việc vừa lợi-ích cho mình, vừa lợi-ích cho người và vật khác.

Con người làm những việc lành hay ác, hành-dộng xấu hay tốt, đều do thân, miệng và ý mà ra.

Pháp « Mười điều lành » dạy con người tu-lập để cả ba thân, miệng và ý đều không làm việc ác, chỉ làm những điều lành.

Mười điều lành là :

1) *Không giết hại chúng-sinh* ; tức là giải-phóng cho mọi người, mọi vật ; không ăn thịt và làm tổn-hại đến đời sống của vật khác, vì nó cũng biết đau-khổ như người.

2) *Không trộm, cắp* ; tức là không lấy dấu-diểm của người, mà trái lại, lấy của mình đem bối-thi cho những kẻ thiểu-thốn.

3) *Không dâm-dăng*; tức là không truy-lạc trong thú vui của xác-thịt; hưởng những thú vui cao-quý của tinh-thần, đạo-lý.

*Ba điều lành nói trên thuộc về thân.*

4) *Không nói dối*. Có nói không, không nói có, tức là nói dối. Chỉ nói đúng với điều đã làm, đúng với sự thật đã trông thấy, nghe thấy mà thôi.

5) *Không nói thêu dệt*; tức là không nói ngoa, không nói sai-lạc sự thật để người khác phải mê-lầm. Chỉ nói những lời chân-thật, đúng-chắc, không thèm, không bót.

6) *Không nói độc-ác*; tức là không chửi rủa, không nói lời thô-bỉ, xấu-xa, mà chỉ nói những lời dịu-dàng, êm-ái.

7) *Không nói hai lưỡi*; tức là không nói lời phản-gián, gập bên này nói xấu bên kia, gập bên kia nói xấu bên này, để gây sự ác-cảm, bất-hòa giữa hai người.

*Bốn việc thiện trên đây thuộc về miệng.*

8) *Không tham-lam*; tức là tự xét rằng mình đã có đủ với những thứ mình có (tri túc); không thèm-thuồng, cầu-mong những thứ quá với sức mình.

9) *Không giận-hờn (sân)*; nghĩa là không nóng-nảy, tức-giận khi gặp người hoặc cảnh-vật trái với ý mình, lúc nào thân-tâm cũng bình-tĩnh, vui vẻ.

10) *Không si-mê*; tức là không mê-lầm, ngu-tối; biết suy-xét, hành-động theo lẽ phải. Không mê-lín, dí-doan (như xin sám, bài quẻ, dâng sao giải hạn, đốt vàng, mã...) Không ương-ngạnh, cố giữ những ý-kiến sai-lầm khi đã được người khác giảng cho Lẽ-thật.

*Ba điều thiện vừa nói trên thuộc về ý.*

Pháp «*Mười điều thiện*» có hiệu-lực làm cho thân-tâm con người trở nên tốt-lành, tri-tuệ trở nên sáng-suốt, và mọi cảnh-vật chung quanh đều sống yên-vui, hòa-thuận.

Bởi thế, từ ngàn xưa, tất cả các vị Hiền, Thánh, Bồ-Tát và chư Phật đã thoát khỏi sinh-tử, luân-hồi, chúng được Niết Bàn, đều bắt đầu lấy mười điều thiện làm căn-bản tu-hành.

Người Phật-tử, muốn tiến lên những giai-đoạn tu-lập cao-siêu về sau, cũng phải bắt đầu thực-hành pháp «*Mười điều thiện*» này cho siêng-năng, thuần-thực.

### III.— THANH-VĂN-THỦA

Trong giai-đoạn này, người Phật-tử tu-học để thành một vị siêu-phàm, vĩnh-viễn yên-vui ở ngoài vòng sinh-tử của thế-gian.

Muốn đạt được kết-quả ấy, trước hết người Phật-tử phải thấu-biết tình-trạng đời người, biết rõ căn-bệnh của thế-gian ra sao, để rồi tìm thuốc trị bệnh.

Vì thế đức Phật giảng «*Tứ diệu Đế*», để giải rõ tình-trạng đời người và dạy phương-pháp thay-dổi tình-trạng ấy (Đế = sự thật chắc-chắn ; diệu = huyền-diệu, mầu-nhiệm).

Bốn Đế, bốn Sự Thật, là :

1) *Khô Đế*; 2) *Tập Đế*; 3) *Diệt Đế*; 4) *Đạo Đế*.

A) **Khổ Đế.**— Sự Thật đầu tiên về tình-trạng đời sống của chúng-sanh trong thế-gian là đau-khổ.

Thoát mời lợt lòng mẹ ra, tiếp-xúc với hoàn-cảnh nóng, lạnh bên ngoài, đã cảm thấy đau nên con người phải khóc. Rồi từ lúc bé đến khi chết, nào bệnh-tật, nào tai-nạn, già-yếu...

Tất cả những thứ ấy đều là khổ, nhưng mới là khổ về xác-thân. Còn bao nhiêu những khổ khác về tinh-thần nữa : yêu-mến mà phải chia-ly ; oán-ghét mà phải xum-hop ; cầu-mong mà chẳng được thỏa-mãn ; ngay-thẳng, hiền-lành, mà phải sỉ-nhục, áp-bièc v...v...

Phật-Giáo không phủ-nhận rằng trong đời con người cũng có lúc vui-vẻ, sung-sướng, vì thân-tâm được thỏa-mãn trong những điều mong muốn. Những hạnh-phúc ấy là quả tốt của những nghiệp lành đã tạo ra trong kiếp trước hoặc kiếp này. Đức Phật không dạy rằng con người phải tránh những hạnh-phúc ấy để chỉ nhận thấy và chịu đựng những đau-khổ mà thôi.

Đức Phật không dạy như thế. Đức Phật dạy ta đừng say-dắm, mê-mờ trong những hạnh-phúc trên, và *giảng cho ta* trong thấy cuộc đời sâu hơn, xa hơn, đúng với sự thật hơn.

*Trong sâu hơn và xa hơn*, vì chúng ta nhận thấy những sung-sướng trong thế-gian không vững-bền, không vĩnh-viễn. Khi nó mất thì chúng ta buồn và đau-khổ. Mà ngay khi nó còn, nó cũng gây cho chúng ta biết bao bận-rộn, lo nghĩ, ghét-ghen, thù-oán...

*Trong đúng với sự thật hơn*, vì trong khi ta đang say-dắm trong hạnh-phúc, nếu ta không biết tu-tập để giữ-gìn và làm tăng-trưởng nhân-duyên lành đã sinh ra hạnh-phúc thì hạnh-

phúc đã bắt đầu suy-giảm theo luật Vô-Thường rồi. Đau-khổ đã dần-dần đến thay thế cho sung-sướng rồi.

Bởi vậy tình-trạng chung và đúng thật của thế-gian là đau-khổ. Ấy là một Lê-thật chắc-chắn, hiển-nhiên.

B) Tập - Đề.— (Tập = chồng-chất ; hội-hợp với nhau ; thói quen).

Những đau-khổ không phải tự-nhiên mà có. Nó đều là quả của nhiều nhân chồng-chất từ nhiều đời tạo ra. Ấy là Sự-Thật thứ hai mà đức Phật giảng-day cho chúng-sinh, để hiểu rõ nguyên-do tình-trạng đau-khổ của đời người.

Phật-học gọi những nguyên-nhân tạo ra đau-khổ là *phiền-não*. Những phiền-não rất nhiều (có táu vạn bốn nghìn phiền-não) ; nhưng để cho dễ giảng-day, Phật-học tóm thâu tất cả vào mười loại chính sau đây :

1) *Tham* : tham-lam ; muốn có nhiều những thứ mình ưa-thích.

2) *Sân* : giận-hờn, hung-hăng, khi không vừa lòng, không được thỏa-thích như ý muốn.

3) *Sí* : ngu-tối, không sáng-suốt ; không suy-xét, hiểu-biết đúng Lê-Phải, đúng Sự-Thật.

4) *Mạn* : kiêu-ngạo, tự coi mình hơn người và khinh-rì kẻ khác.

5) *Nghi* : nghi-ngờ Lê-Phải, không tin Chân-Lý.

6) *Thân-kiến* (kiến = trông thấy ; nhìn, nhận thấy) nhìn nhận rằng thân có thật và lâu-bền, nên cố làm chủ xác-thân sung-sướng.

7) *Biên kiến* (Biên = góc, cạnh) : chỉ nhìn thấy một phía cạnh ; không trông thấy toàn-diện mà lại cho rằng sự nhận-xét nhỏ-hẹp, sai-lầm ấy là đầy-dủ.

8) *Tà kiến* (Tà = sai-lầm) : mê-tin, dì-doan, tin những điều không đúng Chân-Lý, không hợp với Lẽ-Phải.

9) *Kiến thủ* (Thủ = giữ lấy) : giữ những nhận xét sai-lầm, không chịu thay đổi theo đúng Sự-Thật và Lẽ-Phải.

10) *Giới cấm thủ* : tin và làm theo những điều răn-cấm không đúng với Chân-Lý (thí-dụ : tu lối ép-xác, như ăn ót, không ăn cơm, ngồi phơi ngoài mưa, nắng v.v...)

Năm thứ phiền-não sau cùng thường được gộm chung vào một loại gọi là « ác-kiến », nghĩa là những nhận-biết sai-lầm (ác), không đúng với Chân-Lý.

Tất cả mười món phiền-não nói trên là nguyên-nhân chính của đau-khổ, luân-hồi.

C) **Diệt-Đế**. — Muốn hết đau-khổ, luân-hồi, phải diệt-trừ nhân-sinh ra đau-khổ, tức là phải phá những món phiền-não chồng-chặt từ bao nhiêu đời, nó trói-buộc con người và sai-khiến con người như một nô-lệ.

Khi phá-trừ hết những phiền-não rồi thì con người được tự-do hoàn-toàn, yên-vui, sáng-suốt, và không còn những nhân-dễ tạo ra luân-hồi nữa.

Con người đã giải-thoát khỏi sinh-tử và đạt tới Niết-Bàn (còn gọi là cảnh Diệt).

D) **Đạo-Đế**. — Đức Phật dạy cho chúng-sanh một con đường chắc-chắn để di đến Niết-Bàn. Con đường ấy gọi là « Con đường tám điều chánh » (Bát-chánh Đạo), nghĩa là con đường có tám điều chánh-chánh mà người Phật-tử phải làm.

Tâm điêu chán-chánh là :

1 ) Nhận-xét chán-chánh (*chánh tri-kiến*) : nhận-xét và hiểu-biết sự vật đúng với Sự-Thật, hợp với Lê-Phái.

2 ) Suy-nghĩ chán-chánh (*chánh tư-duy*) : suy-nghĩ và xét-đoán sáng-suốt, đúng với Chân-Lý, không mê-lầm.

3 ) Nói chán-chánh (*chánh-ngữ*) : nói đúng-dắn, ôn-hòa ; nói những lời hợp với Chân, Mỹ, Thiện.

4 ) Hành-dộng chán-chánh (*chánh-nghiệp*) : làm những việc chán chánh, nghĩa là những việc vừa lợi-ích cho mình vừa lợi-ích cho người và vật khác.

5 ) Sống chán-chánh (*chánh-mạng*) : sống trong-sạch, hợp với Chân-lý ; không làm những nghề, những hoạt-dộng dẽ gãy ra ác-nghiệp.

6 ) Tinh-tấn trong chán-chánh (*chánh tinh-tấn*) : siêng-nâng, chăm-chỉ tu-tập những điều chán-chánh để tiến trên con đường đạo.

7 ) Tưởng nhớ chán-chánh (*chánh-niệm*) : nhớ những việc chán-chánh đã làm, quán-tưởng những việc chán-chánh hiện-tại và sẽ làm, dẽ suy-nghĩ và hành-dộng cho hợp với Lê Phái, dẽ diệt-trừ những ý-tưởng sai-quấy và phòng ngừa những việc sai-lầm.

8 ) Định-tâm chán-chánh (*chánh-dịnh*).

*Định* (hoặc thiền-định) là tập-trung tinh-thần dẽ làm ch-tâm được yên-lặng.

*Chánh-dịnh* là tu-tập cho tâm-trí vắng-lặng và trong sạch không bị chao-dộng bởi những cản-bên ngoài và bên trong. Nhờ thế mà trí-tuệ sáng-suốt sẽ phát-sanh.

Trí-tuệ sáng suốt ấy sẽ giúp người tu-hành hiểu thấu Chân-lý, biết rõ nguyên-nhận của đau-khổ; nó sẽ giúp người tu-học phá tan xiềng-xích của phiền-não và tối-tăm của si-mê.

Đạo-Đế dắt-dẫn con người ra khỏi sanh-tử, luân-hồi, tiến tới cảnh yên-vui vĩnh-viễn của Niết-Bàn. Người tu-lập dần-dần chừng được bốn quả-vị cao-siêu của Thanh-văn-Thừa là :

1) Tu-đà-hoàn ; 2) Tu-đà-hàm ; 3) A-na-Hàm và 4) (cao nhất) A-la-Hán (1).

#### IV.— DUYÊN-GIÁC THỪA

Tiến lên trong việc tu-học, tìm hiểu Chân-lý, các bậc Duyên-giác tu pháp quán «*Mười hai nhân duyên*» (thập nhị nhân duyên).

Chúng ta nhớ lại rằng mỗi sự, mỗi vật trong vũ-trụ đều đồng-thời là nhân và duyên để giúp những nhân khác tạo ra những quả khác.

Thấu suốt Lý *Mười hai nhân-duyên* sẽ hiểu rõ người và vạn-vật do đâu mà sanh và vì sao phải luân-hồi muôn đời nghìn kiếp.

Mười hai nhân-duyên ấy là :

1) *Vô-minh*: ngu-dốt, mê-lầm, tối-tăm, không hiểu Chân-Lý của Vũ-trụ, không nhận thấy Bản-thể, Thật-tánh của người và vạn-vật.

2) *Hành* : hành-động.

---

(1) *Tu-Đà-Hoàn* : vì tu-hành mới phá-trù được sự thấy-biết mê-lầm (Kiến-hoặc), và còn phải sinh trở lại cõi Dục vài lần nữa để tu-tập.

*Tu-Đà-Hàm* : còn sinh trở lại cõi Dục một lần nữa.

*A-na-Hàm* : không còn sinh trở lại cõi Dục, và sau chỉ sinh lên cõi Sắc, cõi Vô-Sắc mà thôi.

*A-la-Hán* : không còn sinh trong ba cõi Dục-giới, Sắc-giới và Vô-Sắc-giới nữa mà nhập Niết-Bàn mãi mãi.

Vì ngu-dốt nên hành-động sai-lầm, làm những việc không đúng với Chân-Lý, không hợp với Thật-Tánh, nghĩa là làm những ác-nghiệp.

3) *Thức* : hiểu-biết, nhưng hiểu-biết không sáng-suốt, tưởng rằng thân này là ta thật và cảnh chung quanh là cảnh thật, nên ham muốn sống mãi trong cảnh ấy. Lòng ham-muốn tạo thành một sức mạnh, một động-lực sinh-tử (*Thần-Thức*) để đầu thai.

4) *Danh-sắc* : *Danh* nghĩa là tên gọi, chỉ cho *tâm-linh* hay *tinh-thần*, vì tinh-thần có tên gọi mà không có hình-tương để trông thấy. *Sắc* tức là *xác-thân*, chỉ cho *vật-chất*.

Hành-động và hiểu-biết sai-lầm nên mới tạo ra nghiệp đầu-thai để tái-sinh. Bào-thai là vật do sự phối-hợp của hai thứ tinh-thần và vật-chất (thần-thức và xác-thân).

5) *Lục nhập* : Lục là sáu, nhập là vào, túc là sáu cǎn hay sáu giác-quan : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu cǎn này đem những cảm-giác (dối với hoàn-cảnh bên ngoài) vào bên trong cho thai.

6) *Xúc* là động-chạm. Ở trong bụng mẹ hay lọt lòng ra ngoài, thai đã tiếp-xúc, động-chạm với hoàn-cảnh chung-quanh.

7) *Thọ* là lãnh lấy, nhận lấy.

Động-chạm với hoàn-cảnh tất sinh ra cảm-giác. Sáu cǎn tiếp nhận những cảm-giác ấy.

8) *Ái* là ưa, thích.

Khi nhận những cảm-giác mà cho là hợp với mình thì ưa thích ; cho là không hợp với mình thì chán-ghét.

9) *Thủ* là dành-giữ lấy.

Ưa-thích sự, vật gì thì cố dành-giữ lấy, tạo ra ác-nghiệp.

10) *Hữu* (hậu hữu thân) : là có thân sau này.

Những nghiệp đã làm là nhân để sinh ra thân đời sau, vì trong nhân đã có quả nambi săn.

11) *Sinh* : là sinh ra,

Khi gặp đủ duyên thì thân sau sẽ sinh ra, nối tiếp cho thân hiện-tại.

12) *Lão, Tử* : là già và chết.

Thân hiện-tại già và chết, Thân sau sinh ra cũng sẽ lại già và chết, để một thân sau nữa nối - tiếp như thế không bao giờ ngừng.

Vòng sinh-tử, tử-sinh cứ quay tròn mãi,

Người Phật-tử quán-sát Lý *Mười hai nhân-duyên* sẽ hiểu rằng con người sinh-tử luân-hồi là do kết-quả của những ác-nghiệp. Và sở-dĩ tạo ra ác-nghiệp là vì ngu-dốt, mê-lầm (vô-minh), không nhận được Bản-thể sáng-suốt, Chân - Tâm trong sạch của mình.

Người tu-học sẽ dùng trí-tuệ sắc-bén để phá-trù tối-tăm, cắt-dứt vòng tù-ham của mười hai nhân-duyên và thoát ra ngoài sinh-tử. Kết-quả là sẽ đạt được Niết-Bàn, thành bậc Duyên-giác (Bich-Chi Phật).

## V.— BỒ-TÁT THỦ'A

Người Phật-tử tu hạnh Bồ-Tát, ngoài mười điều thiện, phải tu-tập pháp *Luc-Dộ* (*Luc Ba-la-Mật*).

*Luc* là sáu ; *Dộ* là vượt qua ; *Ba-la-Mật* (chữ phạn : Pa-paramita) là : đến bờ bên kia.

*Lục-Độ* hay *Lục Ba-La-Mật* là sáu món tu-tập để người Phật-tử, từ bờ bên này, bờ Vô-Minh của thế-gian (ngu-tối, đau-khổ, luân-hồi) vượt sang bờ bên kia, bờ Giác-Ngộ của chư Phật, (sáng-suốt, an-vui, không sanh-diệt).

Pháp Lục-Độ Ba-la-Mật chung cho cả hai hạng Phật-tử *xuất-gia* và *tại-gia*; người nào muốn tu-hạnh *Bồ-Tát* cũng được.

Con người sở dĩ phải đau-khổ là vì đã tập từ nhiều đời, nhiều kiếp sáu món « tệ » :

1) tham-lam, bốn-sển ; 2) sân-hận, giận-dữ ; 3) si-mê, ngu-tối ; 4) lười-biếng, trễ-nãi ; 5) không tuân theo những điều răn-cấm (phá giới) ; 6) tâm-thần tán loạn.

Sáu món « tệ », này làm cho những đức-tánh tốt đẹp vẫn sẵn có trong mỗi người (Phật-tánh) bị che-lấp, giam-hãm, không hiện-hiện và hoạt-động được.

*Bề chũa* sáu « tệ », ấy, đức Phật dạy sáu phương-pháp, tức là sáu độ :

- 1 ) *Bổ-thí*, độ khôi tham-lam, bốn-sển.
- 2 ) *Tri-giới*, độ khôi hành-động ác-độc, sai-quấy.
- 3 ) *Nhẫn-nhục*, độ khôi sân-lận, giận-dữ.
- 4 ) *Tinh-tẫn*, độ khôi lười-biếng, trễ-nãi.
- 5 ) *Thiền-định*, độ khôi tán-loạn tâm-thần.
- 6 ) *Trí-tuệ*, độ khôi si-mê, ngu-tối.

Chúng ta hãy học sơ qua sáu độ ấy.

#### 1.) **Bổ-thí Ba-la-Mật.**

*Bổ* nghĩa là rộng-rãi; *thí* là cho,

*Bồ-thí* nghĩa là cho rộng khắp ; đem những gì mình có phân-phát rộng khắp cho mọi người, mọi vật.

Có ba loại bồ-thí :

a) *Tài-thí* : lấy tiền của, đồ dùng, giúp đỡ người thiếu-thốn.

b) *Vô-úy-thí* : lấy lời nói, việc làm, giúp cho người đang sợ-hãi hết sờ, người đang bị khủng-bố, lo-âu, được yên-tâm, vững-chí.

c) *Pháp-thí* : đem Chân-Lý, Giáo-pháp của Phật, giảng-day cho người không biết.

Tài-thí và Vô-úy-thí chỉ là phương-tiện cứu-dộ nhất thời.

Pháp-thí có hiệu-quả lâu bền, vì giúp cho người hiểu được Lẽ-Thật, phá được Vô-minh và đạt đến Hạnh-phúc chân-thật. Bởi vậy, thi Pháp là một hành-động cao quý và có công-năng cứu-dộ, giải-thoát hơn cả.

Trong thế gian, thường ai cũng có dịp bồ-thí, nhưng đa số kèm với ý cầu mong một kết-quả tương-lai cho mình, hoặc còn để ý cẩn-nhắc xem vật đem cho đáng giá nhiều hay ít, tốt hay xấu, phân-biệt kẻ thù người sơ, kẻ ưa người ghét. Như thế gọi là *bồ-thí trược-tướng* (báu niu lấy hình-tướng).

*Người tu hạnh Bồ-Tát làm bồ-thí vô-tướng* nghĩa là khi trông thấy đau-khổ, thiến-thốn, sợ-hãi, thì cứu giúp cho hết đau-khổ, hết thiến-thốn, hết sợ-hãi, mà không để ý đến vật đem cho, dù vật ấy rất qui như thân-mạng, không phân-biệt người mình cứu giúp là ai, thân hay sơ, thù hay bạn, và cũng không tưởng-nghĩ rằng việc mình làm là một việc bồ-thí.

Sự làm bồ-thí của Bồ-Tát là một đức-tánh phát ra tự-nhiên ở Chân-Tâm, như khí nóng phát ra tự-nhiên ở lửa vậy.

## 2.) Trì-giới Ba-la-Mật.

Giới là những điều răn cấm, những phương-pháp mà Đức Phật dạy cho người tu-tập tuân theo để giữ cho thân, miệng và ý được sáng-suốt, trong sạch, nghĩa là thân không làm, miệng không nói và ý không nghĩ đến những điều sai-lầm, độc-ác nữa. Như thế sẽ trừ-diệt được hết những nghiệp ác sinh ra đau-khổ, luân-hồi.

Người tu-hạnh Bồ-Tát trì-giới cho đến mực thân, miệng và ý hoàn-toàn không ô-nhiêm một chút mảy-may gì sai quấy. Khi ấy chẳng phải trì-giới mà vẫn chẳng phạm-giới nữa, y như kẻ uống thuốc chữa bệnh, lúc bệnh hết thì không cần uống thuốc. Như thể gọi là trì-giới Ba-la-Mật.

Những giới Đức Phật dạy rất nhiều, tùy theo các hạng nam hay nữ, xuất-gia hay tại-gia, nhưng đại-cương gồm có ba loại :

a) *Nhiếp luật nghi-giới* ; giữ gìn thân, miệng, ý, không làm, không nói, không nghĩ một việc gì ác.

b) *Nhiếp thiện pháp-giới* : làm, nói, nghĩ tất cả mọi việc lành, lợi ích cho mình và lợi ích cho người và vật khác.

c) *Nhiều ích hữu-linh giới* : cứu khổ toàn-thể chúng-sinh, hóa độ khắp hết mọi loài, không sợ khó-nhọc và tốn thời giờ, không phân-biệt chủng-loại.

## 3.) Nhẫn-nhục Ba-la-Mật.

*Nhẫn là nhẫn*, nghĩa là dẫu ngoài thân hay trong tâm không được yên vui, nhưng vẫn cố-gắng chịu đựng như không có gì.

*Nhục* là điều làm cho xấu hổ, đau-dớn trong lòng.

Thường người ta ai cũng có chút ít đức-tính nhẫn-nhục.

Nhưng nhẫn-nhục Ba-la-Mật là nhẫn-nhục đến chỗ rõ-ráo, cùng-cực, hoàn-toàn, không còn nhận thấy cảnh nhục và thân-tâm mình bị nhục.

Nhẫn như thể không phải vì sợ sệt, hèn-nhát, nhưng vì người tu-tập đã nhận được Thật-Tánh của con người là luôn luôn yên-lặng, bình-dảng đối với tất cả mọi sự, mọi việc, không hề bị lay động bởi một cảnh-vật gì, dù là thuận hay nghịch, hợp với mình hay trái với mình.

Nhẫn-nhục Ba-la-Mật gồm có ba thứ : nhẫn-nhục về thân, nhẫn-nhục về miệng, và nhẫn-nhục về ý.

Về thân thì đâu gặp hoàn-cảnh nào cũng không có thái-dộ hung-hăng, đe-dọa, hoặc đánh đập lại người; bao giờ cũng giữ những cử-chỉ ôn-hòa, giáng-điệu dịu-dàng, bình tĩnh.

Về miệng thì tuy gặp sự trái ý cũng không thốt ra những lời thô-bỉ, độc-ác. Lời nói lúc nào cũng vẫn thanh-nhã, êm-ái.

Về ý thì đâu gặp cảnh nghịch, tâm-trí vẫn bình-thản, nhẹ-nhang, không hề phát ra một tư-tưởng giận-hờn, thù-cán.

Người xưa đã nói :

«Nhẫn, nhẫn, nhẫn, trái chủ oan-gia tung thử tận» nghĩa là : thân nhẫn, miệng nhẫn và ý nhẫn thì những đau-khổ oán-thù đều dứt hết.

Nhẫn Ba-la-Mật làm cho thân-tâm được hoàn-toàn yên-ỗn và không còn tạo ác-nghiệp nữa.

#### 4.) Tinh-tấn Ba-la-Mật.

Tinh là thuần một thứ, chuyên một việc, không xen lẫn một ý gì, một việc gì khác vào.

Tấn là tiến lên mãi, không dừng nghỉ.

Tinh-Tấn nghĩa là chuyên-cần, siêng-năng tu-tập để tiến trên con đường Đạo,

Chúng ta nhớ trong pháp Bát chánh Đạo cũng có hạnh tinh-tǎn. Muốn tu-tập và đạt tới một kết-quả gì, điều cần nhất là phải chuyên-cần, siêng-năng, không để một việc nào xen-lấn, không cho một ý-nghĩ gì khác làm lâng-trì, nản-lòng.

Nhờ tinh-tǎn mà những đức-tánh bồ-thi, trì-giới, nhẫn-nhục có thể lên cao đến tột bực.

*Tinh-tǎn Ba-la-Mật là tinh-tǎn đến mực hoàn-toàn, tinh-tǎn đến thành một đức-tánh tự-nhiên. Người tu-tập không còn cảm thấy có cõi-gắng, ép buộc nữa.*

Khi tu đến mực cùng-cực thì Tinh-tǎn Ba-la-Mật không còn, vì lúc ấy bệnh lười-biếng đã hoàn-toàn hết.

*Bốn điều mà người tu-tập phải tinh-tǎn là :*

- a) Các điều ác chưa sanh, phải siêng-năng làm cho nó đừng sanh ;*
- b) Các điều ác đã sanh, phải siêng-năng làm cho mau diệt ;*
- c) Các việc lành chưa sanh, làm cho phát sanh ;*
- d) Các việc lành đã sanh, làm cho tăng-trưởng.*

### **5) Thiền-Định Ba-la-Mật.**

Hai chữ Thiền-Định là do ghép chữ phon : *Thiền na* (Dhyana) với chữ nho : *Định-lự* (Tịnh lự).

Thiền-na hay Định-lự hoặc *Thiền-định là tập-trung tư-tưởng*, làm cho tâm-trí yên lặng, không dính-liu vào một việc gì, một ý nghĩ gì của thế-gian. Rồi dùng tâm-trí vắng-lặng ấy mà suy-xét, quan-sát một vấn-deề cho đến cùng-cực, ráo-rõt.

Chúng ta nhớ trong pháp Bát-chánh-Đạo cũng có Định, và đã biết rằng trong sự suy-tâm, nghiên-cứu của các khoa-học cũng cần đến Định. Tâm có định thì trí mới sáng-suốt để suy-nghĩ và tìm-tòi được sâu-xa.

Nhưng Thiền-dịnh Ba-la-Mật lên cao đến mức xuất thế-gian. Tâm và ý úc ấy tuyệt đối thanh-tịnh, đến nỗi không còn biết là thanh-tịnh, không còn thấy tướng thanh-tịnh nữa. Khi ấy trí-tuệ sáng-suốt cùng-cực mới phát-sanh.

#### 6) Trí-tuệ Ba-la-Mật.

Trí-tuệ (Trí-huệ) của Bồ-Tát khác xa với trí-tuệ của thế-gian, tuy cũng một danh-tù.

Con người hiểu biết được mọi sự, mọi vật trong vũ-trụ là nhờ trí-tuệ.

Đè hiểu-biết, trí-tuệ dùng hai phương-pháp mà trong Phật học gọi là : 1) *Hiện-lượng* và 2) *Tỷ-lượng*.

*Hiện-lượng* (hiện : hiện-hiện ; lượng : dong, do lường) nghĩa là dùng sự nhận-xét trực-tiếp ngay với cảnh-vật mà hiểu biết được, không phải qua một trung-gian hay một suy-luận nào khác (connaissance directe, intuitive).

*Tỷ-lượng* (tỷ : so-sánh) nghĩa là dùng nột nhận xét đã có sẵn, rồi suy-luận thêm để hiểu biết cảnh vật khác, trạng-thái khác (connaissance indirecte, inductive, déductive).

Hiện-lượng và tỷ-lượng của người thường rất dễ sai-lầm, vì giác-quan cùng tri óc còn hẹp-hội và mê-!ỗi, những khi-cụ khoa-học còn quá thô-sơ đối với những bí-hiểm của vũ-trụ.

Vì thế, *hiện-lượng* và *tỷ-lượng* của thế-gian chỉ là *tự hiện-lượng* và *tự tỷ-lượng* mà thôi, (*tự* : tương tự, chưa đúng), chứ không phải là *chân hiện-lượng* và *chân tỷ-lượng* của chư Phật.

Nhờ tinh-tấn tu-lập, các vị Bồ-Tát thiền-dịnh Ba-la-mật ; rồi do nơi Thiền-dịnh này mà phát ra Trí-tuệ Ba-la-mật (hay Trí-tuệ Bát-nhã, chữ phạn : Prajna).

Tri-tuệ Ba-la-Mật sáng-suốt cùng-cực, nhận thấy rõ ràng chân-lý của vạn-vật, vũ-trụ. Với tri-tuệ sắc-bén ấy, các vị Bồ-Tát diệt-trù được vô-minh và đạt đến đích cuối cùng là giải-thoát khỏi sinh-lứ.

Người tu-pháp Lục-Độ, khi tới Địch, có đủ những phép mầu-nhiệm của các vị A-la-hán, Duyên-giác và chư Phật, mà vẫn thường gọi là sáu món *thần-thông*.

1) *Thiên nhĩ thông*: mắt trông thấy khắp vũ-trụ, không một vật gì có thể ngăn-ngại được.

2) *Thiên nhĩ thông*: tai nghe và hiểu hết các âm-thanh, tiếng nói của mọi loài, mọi vật trong vũ-trụ.

3) *Tha tâm thông*: xét thấy ý nghĩ thâm sâu, hiểu nỗi lòng thầm kín của mọi người mọi vật.

4) *Tuic mạng thông*: biết rõ đời trước của mình và của chúng-sinh khác.

5) *Thần túc thông*: biến hóa khắp hết mọi nơi, chỗ nào cũng đến được.

6) *Lại tận thông*: có sức diệt-trù hết ngu-si, mè-lầm, phiền-não (1).

---

(1) Những thần-thông chỉ là những *giác-quan* (organes sensoriels) thần-bí chưa khai-mở, những *quyền năng* (pouvoirs) huyền-diệu chưa thức-tỉnh, vẫn ẩn-tàng trong mọi người. Khoa-học đã khám phá và nhận thấy một phần bé nhỏ của những thần-thông ấy.

Hiện vẫn có một số tu-sĩ Đạo Phật và các Đạo khác đạt được, với một mức cao hay thấp, dù cả hoặc một phần những thần-thông nói trên. Tuy nhiên các vị ấy không đem ra khoe-khoang vì những thần-thông không phải là mục-dịch cùu-cánh của Đạo và của sự tu hành chân-chánh. Đem nó ra phô-trương tức là còn Ngã-chấp và còn ham thích trần cảnh và tức là tự phá-hại công-phu tu tập của mình, tự làm cản-trù sự tiến đến mục giải-thoát.

Tu hạnh Bồ-Tát vừa cần phải có ý-chí mãnh-liệt, vừa cần có tâm rộng lớn, vì các vị Bồ-Tát tu-tập không những vì mình mà còn vì người khác nữa.

Bởi vậy người tu hạnh Bồ-Tát trước hết phải tẩy lỏng vi-tha vô-biên của mình và làm bốn nguyện rộng lớn sau đây :

- 1) *Chứng-sinh không số-lượng, thề-nguyện đều độ khắp;*
- 2) *Phiền-não vô số kẽ, thề-nguyện đều dứt sạch;*
- 3) *Pháp-môn không kẽ xiết, thề-nguyện đều tu-học;*
- 4) *Phật Đạo không gì cao hơn, thề-nguyện viên-thành.*

Tâm Bồ-Đề, nghĩa là tâm sáng-suốt của Phật-tử, rộng-lớn và cao-thượng biết chừng nào !



Ngoài năm loại pháp-môn kẽ trên dày (Nhân-thừa, Thiên-thừa, Thanh-văn-thừa, Duyên-giác-thừa, Bồ-Tát-thừa), Đức Phật còn dạy cho ta một pháp-môn nữa, rất dễ tu-lập là pháp-môn Tịnh-Độ.

Người chuyên-cần tu pháp-môn Tịnh-Độ này, sau khi chết, sẽ được *vãng-sinh* sang một thế-giới rất sung-sướng, gọi là Thế-giới Cực-Lạc, trong ấy đức Phật A-Dì-Đà đang thuyết-pháp.

Pháp-môn Tịnh-Độ sẽ được đề-cập đến trong chương thứ ba, khi dẫn-giải sự tích đức Phật A-Dì-Đà.

